TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **17**/2026/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số35/2026/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Thành T, sinh ngày 10/01/1993;Số CCCD: 066093008393 cấp ngày 11/9/2025.

Cư trú tại: Thôn B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Lê Thị Thu T1, sinh ngày 08/10/1995; Số CCCD: 066195009843 cấp ngày 10/5/2021.

HKTT: Thôn B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng

Nơi ở hiện nay: Tổ A, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Thu T1 tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk (nay là xã E, tỉnh Đăk Lăk) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50, quyển số 01 ngày 06/5/2014,nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 01 năm 2026, ông T và bà T5 nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc ông T và bà T6 tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Thu T1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Nhã L, sinh ngày 24/6/2016 và Nguyễn Gia T2, sinh ngày 03/3/2014. Sau ly hôn, ông bà thỏa thuận giao các con chung cho bà Lê Thị Thu T3 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Thành T4 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Thu T5 định không có, khôngyêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân: Trần Thiên A và bà T9 người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Thu T1.

2.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Thu T6 tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Thu T1 có02 con chung tên Nguyễn Thị Nhã L, sinh ngày 24/6/2016 và Nguyễn Gia T2, sinh ngày 03/3/2014.

Sau ly hôn, buộc ông Nguyễn Thành T7 cháuNguyễn Thị Nhã Lyvà cháu Nguyễn Gia T8 bà Lê Thị Thu T3 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Thành T4 phảicấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi concó quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

*2.3. Về tài sản chung, nợ chung:*Ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Thu T5 định không có, khôngyêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:Ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Thu T9 người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 4707 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.Ông T và bà T10 nộp xong.

4.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Ea Phê, tỉnh Đăk Lăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Xuân Thường